TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/3/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hoàng Diệu
Ông Lê Xuân Trị

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phong Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: Ông Bùi Trung Nam - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST ngày 17 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1998
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.
- *Bị đơn*: Ông **Chen Jung C**, sinh năm 1981
Địa chỉ: Số D, lộ L, khóm C, thôn Đ, làng V, huyện N, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 08/3/2023 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày và yêu cầu:

Năm 2017 qua mai mối chị quen biết, tìm hiểu ông Chen Jung C và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 174 ngày 10 ngày 11 tháng 2017 và được Trích lục kết hôn bản sao số 165/TLKH-BS ngày 06 tháng 3 năm 2023. Sau khi kết hôn, ông Chen Jung C trở về Đài Loan sinh sống, không bảo lãnh chị cùng đi sang Đài Loan để cùng chung sống. Từ khi về Đài Loan đến nay, chị không còn liên lạc được với ông Chen Jung C nữa. Do không còn liên lạc được với ông Chen

Jung C trong khoảng thời gian quá dài, không còn tình cảm, thiết nghĩa nếu kéo dài cuộc hôn nhân (vợ chồng ở hai quốc gia) cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Nay chị yêu cầu được ly hôn với ông Chen Jung C.

Về con chung, tài sản và nợ chung: Chị và ông Chen Jung C không có con chung, không tạo lập được tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Chen Jung C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về việc chị D xin ly hôn với ông.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua xem xét các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Chen Jung C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị D khởi kiện xin ly hôn với ông Chen Jung C cư trú tại Đài Loan, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn ông Chen Jung C đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt (thủ tục thông báo, tống đạt của Tòa án đối với phía bị đơn đã hoàn tất, tại văn bản số 1120061872 ngày 13/10/2023 của Bộ Tư Pháp Lãnh thổ Đài Loan: *"Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 25/9/2023 bằng phương thức: Gởi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an"*. Tuy nhiên cho đến thời điểm xét xử, ông Chen Jung C cũng không có ý kiến phản hồi. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và ông Chen Jung C xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Cần Thơ (Việt Nam) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 174 ngày 10 ngày 11 tháng 2017 và được Trích lục kết hôn bản sao số 165/TLKH-BS ngày 06 tháng 3 năm 2023 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà D trình bày, sau khi kết hôn ông Chen Jung C về Đài Loan sinh sống, không bảo lãnh chị cùng đi để chung sống.

Chị cho rằng, từ khi về Đài Loan đến nay chị không còn liên lạc được với ông Chen Jung C.

Xét thấy, giữa chị D và ông Chen Jung C sau khi đăng ký kết hôn, cả hai có thời gian ngắn chung sống tại Việt Nam, sau đó thì ông Chen Jung C bỏ về Đài Loan, không bảo lãnh chị D đi cùng và ông Chen Jung C cũng không quay lại Việt Nam để chung sống với chị D. Từ đó, hai người sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm, liên lạc gì với nhau, không giữ gìn níu kéo quan hệ hôn nhân, tình cảm phai nhạt nên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị D được ly hôn với ông Chen Jung C là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và lệ phí ủy thác là 200.000 đồng, nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 4, Điều 147, Điều 153, khoản 2 Điều 227, khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Chen Jung C.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị D trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng, được chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001684 ngày 14/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ sang án phí, chị D đã nộp đủ án phí.

3. Về lệ phí ủy thác: Chị Nguyễn Thị D phải chịu, công nhận đã nộp xong 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001812 ngày 26/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

Ông Chen Jung C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPCT**;**
- Cục THA DS TPCT;
- U;
- Lưu hồ sơ vụ án

Võ Bảo Anh